TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7 – GIA LAI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2026/DS-ST
Ngày: 07/8/2026
V/v: *"T/C HĐVTS"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lý.
2. Bà Lê Thị Toan.
Thư ký phiên toà: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2026; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị N; sinh năm: 1991. Địa chỉ: G N, phường D, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Nhật H; sinh năm 1999. Địa chỉ: G T, phường P, Tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Anh N1; sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ G P (nay là tổ A), phường P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Làng P, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2025 của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Nhật H trình bày:

Vào ngày 26/11/2024 bà Lê Thị Anh N1 đã đề nghị vay của bà Hồ Thị N số tiền 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) mục đích để bà Nguyễn Thị Minh T đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP P (O) và hẹn 02 ngày sau sẽ trả tiền cho bà N. Vì là chổ chị em quen biết từ lâu nên bà N không yêu cầu bà N1 viết giấy nhận nợ mà đã chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản số 730590 của bà Nguyễn Thị

Minh T tại Ngân hàng TMCP P (O) số tiền 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) vào lúc 08 giờ 30 phút cùng ngày theo yêu cầu của bà N1. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại bà N1 vẫn không hoàn trả lại số tiền trên cho bà N mặc dù bà N đã yêu cầu nhiều lần. Trước đó bà N cũng đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (đã thụ lý số 13/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025) yêu cầu bà N1 và bà T phải liên đới trả lại số tiền trên cho bà N, nhưng trong quá trình hòa giải, đối chất tại Tòa án thì bà N1 thừa nhận trách nhiệm trả nợ là của bà chứ không phải là của bà T. Bà N đã rút đơn khởi kiện để khởi kiện bà N1 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai theo thẩm quyền của Tòa án nơi bị đơn cư trú. Trong thời gian nguyên đơn khởi kiện thì từ ngày 21/01/2026 đến ngày 20/6/2026 bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn tổng cộng là 26.000.000đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), tuy nhiên do thấy bị đơn khó khăn nên nguyên đơn đồng ý tính tiền lãi đã trả được là 30.000.000đồng và đề nghị cấn trừ vào số tiền nợ lãi phải trả tạm tính từ ngày 28/11/2024 đến ngày xét xử (07/8/2026) với mức lãi suất 10%/năm là: 59.208.338 đồng – 30.000.000đồng (đã trả lãi) = 29.208.338 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị Anh N1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà Hồ Thị N số tiền nợ vay là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 28/11/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (sau khi cấn trừ 30.000.000đồng đã trả lãi) còn lại là 29.208.338 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 379.208.338 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm lẻ tám ngàn, ba trăm ba mươi tám đồng).

2. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị Anh N1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có mặt và có ý kiến trình bày như sau: Tôi thừa nhận vào ngày 26/11/2024 có vay tiền bà Hồ Thị N số tiền 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) hẹn 02 ngày sau trả, mục đích để bà Nguyễn Thị Minh T đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP P (O) và tôi có cung cấp số tài khoản 730590 của bà T để bà N chuyển khoản vào đó. Lý do tôi yêu cầu bà N chuyển tiền vào tài khoản của bà T là vì tôi có nợ tiền bà T nên tôi hỏi vay tiền bà N để trả nợ cho bà T. Tôi đã trả lãi với số tiền như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày tại Tòa án. Do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình tôi rất khó khăn, vợ chồng tôi đã không còn sống chung, tôi đang nuôi 02 con nhỏ, lương công nhân chỉ có 6.000.000đồng/tháng nên không có khả năng trả nợ 01 lần cho bà N, tôi xin được trả dần mỗi tháng 1.800.000 đồng cho đến khi hết nợ.

3. Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Tôi không liên quan đến khoản nợ vay nói trên giữa bà Hồ Thị N và bà Lê Thị Anh N1. Việc bà N1 có yêu cầu bà N chuyển tiền vào tài khoản của tôi tại Ngân hàng TMCP P (O) là thỏa thuận của hai bà, trước khi chuyển khoản thì cũng không ai gọi báo cho tôi biết việc này. Sau này khi tiền chuyển vào tài khoản của tôi thì bên Ngân

hàng O tự động trừ để đáo hạn khoản vay tôi còn nợ. Do bà N1 có nợ tiền của tôi nên bà N1 mới vay tiền của bà N để trả nợ cho tôi. Do vậy trách nhiệm trả tiền cho bà N là của bà N1.

* Tại phiên toà, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hồ Thị N. Xử:

- Buộc bị đơn là bà Lê Thị Anh N1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị N số tiền nợ gốc là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 28/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 59.208.338 đồng, khấu trừ với số tiền nợ lãi đã trả 30.000.000 đồng, buộc bị đơn phải trả nợ lãi còn lại là 29.208.338 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 379.208.338 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm lẻ tám ngàn, ba trăm ba mươi tám đồng).

Ngoài ra buộc bị đơn còn phải tiếp tục trả nợ lãi cho đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc cho nguyên đơn.

- Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Hồ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bị đơn là bà Lê Thị Anh N1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Hồ Thị N số tiền nợ vay là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi chậm trả. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Tổ G P (nay là tổ A), phường P, tỉnh Gia Lai. Đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai.

[2] Về xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện: yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị Anh N1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay ngày 26/11/2024 là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi chậm trả tạm tính từ ngày 28/11/2024 cho đến ngày xét xử (07/8/2026) với mức lãi suất 10%/năm là: 59.208.338 đồng, khấu trừ với số tiền nợ lãi đã trả được làm tròn là 30.000.000 đồng, buộc bị đơn phải trả nợ lãi còn lại là 29.208.338 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc.

[2.2]. Tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Thị Anh N1 thừa nhận vào ngày 26/11/2024 có thỏa thuận vay bà Hồ Thị N số tiền là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), hẹn sau 02 ngày trả và có cung cấp số tài khoản 730590 của bà Nguyễn Thị Minh T tại Ngân hàng TMCP P (O) để bà N chuyển khoản vào đó, mục đích là để bà T tất toán khoản vay tại Ngân hàng TMCP P (O), lý do là vì bà N1 có nợ tiền bà T nên đã hỏi vay tiền bà N để trả nợ cho bà T.

[2.3]. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Minh T xác nhận có sự việc bà N chuyển tiền vào số tài khoản 730590 của bà Nguyễn Thị Minh T tại Ngân hàng TMCP P (O), lý do bà N1 còn nợ tiền của bà nên vay người khác để chuyển trả. Hiện khoản vay này đã tất toán xong. Bà T trình bày bà không liên quan đến thỏa thuận vay tiền giữa bà Hồ Thị N và bà Lê Thị Anh N1, trách hiệm trả nợ là của bà Lê Thị Anh N1.

Từ [2.1], [2.2], [2.3]. Xét thấy: có đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn bà Hồ Thị N và bị đơn bà Lê Thị Anh N1 có xác lập thỏa thuận vay tiền bằng miệng, nội dung: Bà N1 vay của bà N số tiền 350.000.000đồng, bà N sẽ chuyển số tiền vay này vào tài khoản số 730590 của bà Nguyễn Thị Minh T tại Ngân hàng TMCP P (OCB) để bà T tất toán khoản vay tại đây, lý do bà N1 vay nhưng lại yêu cầu bà N chuyển tiền vào tài khoản của bà T là vì bà N1 có nợ tiền bà T nên vay bà N để trả nợ.

Tại phiên tòa, các đương sự cũng đã thừa nhận các nội dung trên và đều xác định trách nhiệm trả nợ cho bà N là thuộc về bà N1. Đây là các tình tiết sự việc không phải chứng minh. Do vậy, bà Lê Thị Anh N1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồ Thị N.

Xét thỏa thuận vay tiền được xác lập giữa nguyên đơn với bị đơn là hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, được giao kết tự nguyện và hợp pháp nên phát sinh hiệu lực. Các tài liệu chứng cứ chứng minh giao dịch vay tiền, chuyển tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều hợp lệ và được phía bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận tại phiên tòa. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Lê Thị Anh N1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà Hồ Thị N số tiền nợ gốc là: 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Về nợ lãi chậm trả: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi chậm trả tạm tính từ ngày 28/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (07/8/2026) là:

Nợ gốc: 350.000.000đồng x 10%/năm x 20 tháng 09 ngày = 59.208.338 đồng. Cấn trừ với số tiền nợ lãi bị đơn đã trả và nguyên đơn đã thống nhất làm tròn tại phiên tòa là 30.000.000đồng, còn lại phải trả là 29.208.338 đồng.

Tổng cộng buộc bị đơn Lê Thị Anh N1 phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị N cả nợ gốc và nợ lãi là: 379.208.338 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm lẻ tám ngàn, ba trăm ba mươi tám đồng).

[3]. Về án phí:

- Buộc bị đơn là bà Lê Thị Anh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hồ Thị N.

Buộc bị đơn là bà Lê Thị Anh N1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà Hồ Thị N số tiền là 379.208.338 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm lẻ tám ngàn, ba trăm ba mươi tám đồng). (Trong đó nợ gốc là 350.000.000đồng và nợ lãi chậm trả là: 29.208.338 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

- Buộc bị đơn là bà Lê Thị Anh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.960.416 đồng.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn là bà Hồ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.372.154 đồng theo biên lai số 0003492 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

[3]. Về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 của Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV7 - GL;
-THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà